

Số: TVHN-246/AGIA

An Giang, ngày 03 tháng 9 năm 2025

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước lên dần.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước đang lên nhanh.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên chậm, mực nước cao nhất ngày 02/9 hầu hết đều cao hơn so với cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 10-45cm; mực nước thấp nhất thấp hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 20-90cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước biến đổi chậm theo triều, mực nước cao nhất ngày 02/9 thấp hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 20-45cm; mực nước thấp nhất ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 từ 15-30cm, thấp hơn cùng kỳ năm TBNN từ

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các kênh, rạch biến đổi chậm, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 02/9 hầu hết ở mức xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 05-20cm. Trên kênh Vĩnh Tế tại Xuân Tô và Vĩnh Gia, mực nước cao nhất và thấp nhất đều ở mức xấp xỉ và cao hơn từ 20-45cm so với cùng kỳ năm 2024, thấp hơn từ 45-85cm so với TBNN.

- Khu vực cửa sông: Trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô, mực nước lên theo xu thế triều biên Tây, mực nước cao nhất ngày 02/9 ở mức thấp hơn 27cm so với cùng kỳ năm 2024, cao hơn cùng kỳ TBNN 05cm, mực nước thấp nhất thấp ở mức xấp xỉ và cao hơn so với cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 05-10cm.

2. Dự báo, cảnh báo:

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Do ảnh hưởng lượng nước lũ sông Mekong truyền về nên mực nước trên các sông, kênh lên dần trong những ngày tới.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước cao nhất và thấp nhất lên theo triều biển Đông trong 5 ngày tới.

- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch lên chậm trong những ngày tới.

- Vùng cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé lên dần theo xu thế triều biên Tây.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Có khả năng xuất hiện hiện tượng ngập, úng cục bộ trong đô thị tại Long Xuyên và Rạch Giá khi xuất hiện mưa lớn; Biên độ mực nước dao động lớn và mực nước xuống thấp, nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông, kênh, rạch.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Các hiện tượng thủy văn nguy hiểm gây ảnh hưởng đến các hoạt động dân sinh, kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 04/09/2025

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phạm Thị Diệu Ngọc

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Mực nước thực đo ngày 02/09						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			03/9	04/9	05/9	06/9	07/9	03/9	04/9	05/9	06/9	07/9
		BĐI	BĐII	BĐIII	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	215	45	-92	242	9	-83	245	253	263	271	277	217	220	223	230	237
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	129	30	-44	185	-21	-34	188	196	206	216	224	131	133	136	141	146
Hậu	Khánh An	420	470	520	351	40	-34	361	38	-23	364	367	372	380	386	354	358	363	371	379
	Châu Đốc	300	350	400	176	25	-80	210	-21	-69	212	220	228	238	244	178	180	183	190	197
	Long Xuyên	190	220	250	88	16	-23	165	-42	-20	171	179	189	199	207	90	92	95	100	105
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	136	26	-59	187	-26	-47	190	198	208	218	226	138	140	143	148	153
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	155	46	-76	158	38	-83	159	161	163	165	168	156	158	160	162	164
	Vĩnh Gia	200	240	280	73	21	-45	80	3	-51	81	83	85	87	89	74	76	78	80	82
	Vĩnh Điều	170	200	230	68	22	-4	77	0	-10	78	80	82	83	83	68	70	72	74	75
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	68	12	-8	75	-8	-8	76	78	80	81	81	69	71	73	75	76
T5	Nông Trường	160	190	220	77	16	-5	82	-6	-7	83	85	87	88	88	78	80	82	83	84
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	108	20	-43	112	4	-44	113	115	117	119	120	109	111	113	115	117
	Cô Tô	140	180	220	107	14	-7	112	1	-6	113	115	117	119	120	108	110	112	114	116
	Nam Thái Sơn	90	120	150	79	11	-	82	-2	-	83	85	87	89	90	80	82	84	86	88
Tám Ngán	Lò Gạch	170	210	250	74	17	-45	77	-2	-48	78	80	82	84	85	75	77	79	81	83
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	121	16	0	129	0	8	129	131	133	135	138	121	121	123	125	128
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	147	21	-26	165	2	-20	166	168	170	173	176	147	147	149	151	154
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	103	8	-23	122	-8	-13	122	124	126	128	131	103	103	105	107	110
	Tân Thành	120	150	180	88	6	6	99	-4	7	99	100	102	104	105	89	91	93	94	95
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	74	9	14	80	1	11	80	81	83	84	84	75	77	79	80	81
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	3	6	9	53	-2	2	53	54	56	58	59	2	3	5	3	0
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	-12	5	8	60	-27	4	62	70	76	82	83	-11	-15	-23	-29	-33

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm





